

## MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI ĐỐI VỚI HỌC SINH “NGHIỆN” INTERNET TẠI TỈNH BÌNH ĐỊNH

Nguyễn Văn Nga

*Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Quy Nhơn*

**Tóm tắt.** Bài viết phân tích 6 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động Công tác xã hội trong can thiệp, trợ giúp học sinh nghiện internet ở các trường Trung học cơ sở trên tại tỉnh Bình Định. Dựa trên phân tích mô hình hồi quy đơn biến cho thấy, chỉ có 5 nhóm yếu tố liên quan đến bản thân học sinh nghiện internet; Cán bộ trường học Cơ sở vật chất, nguồn lực; yếu tố phụ huynh và cộng đồng là những yếu tố có ý nghĩa về mặt thống kê, do đó có ảnh hưởng đến hoạt động Công tác xã hội. Trong đó, yếu tố tác động mạnh nhất là thuộc về bản thân học sinh và cán bộ làm công tác tại trường học.

**Từ khóa:** Nghiện internet, học sinh trung học cơ sở, công tác xã hội.

### 1. Mở đầu

Từ khi ra đời cho đến nay, mạng internet luôn được xem là phương tiện khá thông minh, tiện lợi, đem đến những lợi ích thiết thực cho người sử dụng trên bình diện vật chất lẫn đời sống tinh thần và văn hóa. Tuy vậy, rất nhiều nghiên cứu trước đây của Dr Ivan Goldberg, 1995 [1]; Griffiths, 1995 [2]; Davis et al. 2002 [3]; Young, 1996 [4] và nhiều tác giả khác cho thấy nếu việc sử dụng internet quá mức có thể dẫn đến tình trạng nghiện. “Nghiện internet” (Internet addiction, IA), là sử dụng internet quá mức hay sử dụng internet bệnh lý, chỉ hành vi lên mạng không kiểm soát được xung lực mà không liên quan gì đến chất gây nghiện [5, tr.73]. Đối tượng dễ bị nghiện internet nhất có lẽ là giới trẻ tuổi, trong đó có tầng lớp thanh thiếu niên, học sinh và sinh viên - những người thường xuyên tiếp xúc với mạng internet, nhưng khả năng kiểm soát nhận thức, cảm xúc và hành vi chưa thực sự vững vàng trước khả năng gây nghiện của các loại hình công nghệ có trên mạng internet. Dẫn chứng một số nghiên cứu về nghiện internet ở HS gần đây cho thấy tình trạng HS nghiện internet đang có chiều hướng tăng cao, chẳng hạn: trong năm 2013 ở thành phố Biên Hòa (tỉnh Đồng Nai) có 12,3% HS trung học cơ sở (THCS) được xác định bị nghiện internet [6]; Ở tỉnh Đà Nẵng, trong năm học 2015 - 2016 có 96/220 HS THCS nghiện internet [7]. Hay như ở tỉnh Bình Định, chúng tôi khi tiến hành khảo sát 720 em học sinh đang học ở các trường THCS (năm học 2017 - 2018) cho thấy tỉ lệ HS có biểu hiện nghiện internet tương đối cao (có 257 em, chiếm 35,7%).

Đã có những công trình nghiên cứu trong lĩnh vực CTXH với HS nghiện internet, game online, các nghiên cứu đó đã sử dụng những phương pháp can thiệp khác nhau và, về cơ bản cho thấy những hiệu quả nhất định trong can thiệp, trị liệu giúp HS nghiện internet giảm thiểu sự phụ thuộc theo chiều hướng tích cực. Chẳng hạn, trong nghiên cứu *Công tác xã hội nhóm đối với học sinh nam nghiện game online tại Trường Trung học cơ sở Gia Hòa, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình* tác giả Hoàng Thị Loan (2017) đã tìm hiểu ba hoạt động của CTXH nhóm được áp

---

Ngày nhận bài: 1/10/2019. Ngày sửa bài: 17/12/2019. Ngày nhận đăng: 2/1/2020.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Văn Nga. Địa chỉ e-mail: [nguyenvannga@qnu.edu.vn](mailto:nguyenvannga@qnu.edu.vn)

dụng ở nhà trường để trị liệu cho HS như: Giáo dục kỹ năng sống; Tổ chức hoạt động nhóm; Tổ chức hình thức trị liệu nhóm thông qua tham vấn nhóm, nhóm trị liệu. Từ kết quả khảo sát, tác giả nhận định “các hoạt động chăm sóc, giáo dục học sinh nghiện game đã được quan tâm thực hiện, song vì không có nhân viên công tác xã hội học đường, một số giáo viên khác phải làm công tác kiêm nhiệm trong tổ tham vấn và các hoạt động khác nên hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn” [8; tr. 74]. Trong khi đó, tác giả Nguyễn Thị Thu Thủy (2015) trong nghiên cứu *Công tác xã hội cá nhân trong hỗ trợ sinh viên cai nghiện game online tại trường đại học Hải Dương* cho thấy tỉ lệ nghiện game ở sinh viên chiếm tỉ lệ tương đối cao (34,3%). Nghiên cứu đã vận dụng phương pháp CTXH cá nhân với quy trình khoa học để can thiệp và kết quả cho thấy sau khi kết thúc chương trình can thiệp mức độ nghiện game của thân chủ giảm xuống đáng kể từ mức 76% sau 15 tuần tham gia vào các hoạt động và can thiệp cùng NVXH đã giảm xuống mức 23%, thân chủ gần như không còn ảnh hưởng bởi game [9; tr.78]. Một nghiên cứu khác của Shiyong Zheng và các cộng sự (2015) về *Social Work in Teen Addiction Correction Services Research under the New Situation* cho rằng nghiện internet ở học sinh Trung học cơ sở tại Trung Quốc là rất nghiêm trọng, chiếm 38,3%. Nghiên cứu cho rằng sự can thiệp của công tác xã hội ngày càng quan trọng và khó khăn hơn và các tác giả nghiên cứu đưa ra các loại dịch vụ CTXH nhằm can thiệp cho giới trẻ nghiện internet đó là: 1) Trị liệu gia đình: thiết lập mối quan hệ tốt trong cấu trúc gia đình, gia đình cần có sự giáo dục khoa học đối với con cái; 2) Hỗ trợ xã hội: xã hội cần cung cấp hỗ trợ về mặt vật chất lẫn tinh thần cho thanh thiếu niên bị nghiện internet nhằm giúp các em giải quyết khó khăn trong quá trình trị liệu; tăng cường công tác giáo dục đạo đức, bên cạnh đó cần tăng cường công tác quản lý với cơ sở kinh doanh mạng; 3) Thực hiện trị liệu hành vi: Nhân viên CTXH giáo dục nâng cao nhận thức, từ đó giúp thanh thiếu niên nghiện internet nhận thức được tác hại của nghiện internet và từ đó giúp họ thiết lập các giá trị mới, biết cách sử dụng internet một cách khoa học và cố gắng trở thành một người đầy triển vọng trong tương lai [10; tr. 252 - 254].

Để hướng đến một môi trường học đường lành mạnh, không có tình trạng HS có hành vi lệch chuẩn hay trường hợp gặp khó khăn từ hậu quả do nghiện internet gây nên, cần có những giải pháp kịp thời, mang tính đồng bộ từ nhiều cơ quan chức năng và sự tham gia của nhiều ngành nghề mang tính chuyên môn trong xã hội. Trong chuỗi nghiên cứu của mình, ngoài đánh giá về thực trạng các hoạt động Công tác xã hội (CTXH) trong can thiệp/trị liệu và phòng ngừa đối với HS nghiện internet ở các trường THCS tại tỉnh Bình Định, tác giả cho rằng việc nghiên cứu “các yếu tố ảnh hưởng đến công tác xã hội đối với học sinh nghiện internet từ thực tiễn tỉnh Bình Định” là cần thiết, từ đó có cơ sở phù hợp để thực hiện các giải pháp nhằm hạn chế tình trạng nghiện internet ở học sinh.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Tổ chức và phương pháp nghiên cứu**

#### **2.1.1. Khách thể và địa bàn nghiên cứu**

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tiến hành điều tra tại 6 trường Trung học cơ sở tại tỉnh Bình Định với tổng số 257 HS từ khối lớp 6 đến lớp 9 được xác định bị nghiện internet (IA) dựa trên bảng tiêu chuẩn chẩn đoán nghiện internet của Kimberli S. Young. Bên cạnh khách thể là HS, chúng tôi còn khảo sát 100 khách thể hỗ trợ là cán bộ, giáo viên (CBTH) đang làm công tác tại các trường học nhằm có những so sánh mang tính khách quan của các hoạt động CTXH.

#### **2.1.2. Phương pháp nghiên cứu**

Các phương pháp nghiên cứu được vận dụng trong nghiên cứu bao gồm: Điều tra bằng bảng hỏi Anket; phương pháp phỏng vấn sâu và quan sát, trong đó điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp chính được thiết kế nhằm khảo sát trên hai nhóm khách thể là HS nghiện internet

và cán bộ làm công tác đoàn, giáo viên, nhân viên y tế, quản lý công tác học sinh ở trường học.

### 2.1.3. Thang đo và độ tin cậy của thang đo

Thang đo được sử dụng trong nghiên cứu được thiết kế dựa trên thang *Likert 5 mức độ*, theo thứ tự từ 1: Không ảnh hưởng; 2: Ít ảnh hưởng; 3: Ảnh hưởng trung bình; 4: Ảnh hưởng nhiều; 5: Ảnh hưởng rất nhiều. Điểm trung bình (ĐTB) cho mỗi nội dung tối đa là 5 điểm và tối thiểu là 1 điểm và điểm trung bình của mỗi nội dung nằm trong khoảng  $1 \leq \bar{X} \leq 5$  với giá trị khoảng cách  $= (\text{Maximum} - \text{Minimum}) / n = (5-1) / 5$  là 0,8 chúng tôi quy ước khoảng ĐTB như sau:  $1 \leq \bar{X} \leq 1,80$ : Không ảnh hưởng;  $1,81 \leq \bar{X} \leq 2,60$ : Ảnh hưởng ít;  $2,61 \leq \bar{X} \leq 3,40$ : ảnh hưởng trung bình;  $3,41 \leq \bar{X} \leq 4,20$ : Ảnh hưởng nhiều;  $4,21 \leq \bar{X} \leq 5$ : Ảnh hưởng rất nhiều.

Về độ tin cậy của thang đo được đánh giá bằng hệ số Cronbach's alpha. Kết quả cho thấy độ tin cậy của thang đo các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động CTXH dựa trên đánh giá của CBTH là thực hiện tốt ( $\alpha = 0,85$ ).

## 2.2. Nội dung và kết quả nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, chúng tôi phân tích sáu nhóm yếu tố cơ bản có ảnh hưởng đến hiệu quả CTXH trong can thiệp, trợ giúp HS nghiện internet, bao gồm: yếu tố liên quan đến HS nghiện internet; cán bộ làm công tác ở trường học (CBTH); luật pháp, chính sách của nhà nước; cơ sở vật chất, nguồn lực của nhà trường; yếu tố thuộc về gia đình học sinh và cộng đồng.

### 2.2.1. Yếu tố liên quan đến học sinh nghiện internet

Chúng tôi xem xét ảnh hưởng của yếu tố này ở những khía cạnh khác nhau: kiến thức; thái độ; ý chí và một số khía cạnh khác như sức khỏe, hoàn cảnh gia đình của HS.

**Bảng 1. Ảnh hưởng của yếu tố xuất phát từ HS**

| TT          | Nhân tố                                 | Tỉ lệ % theo các mức độ (n = 100) |            |              |              |              | ĐTB         | ĐLC |
|-------------|-----------------------------------------|-----------------------------------|------------|--------------|--------------|--------------|-------------|-----|
|             |                                         | Rất ít                            | Ít         | Trung bình   | Nhiều        | Rất nhiều    |             |     |
| 1           | Kiến thức, sự hiểu biết của HS          | 3<br>(3,0)                        | 9<br>(9,0) | 16<br>(16,0) | 63<br>(63,0) | 9<br>(9,0)   | 3,66        | ,88 |
| 2           | Thái độ hợp tác trong quá trình hỗ trợ  | 2<br>(2,0)                        | 6<br>(6,0) | 34<br>(34,0) | 51<br>(51,0) | 7<br>(7,0)   | 3,55        | ,80 |
| 3           | Ý chí, nghị lực của học sinh            | 4<br>(4,0)                        | 3<br>(3,0) | 23<br>(23,0) | 58<br>(58,0) | 10<br>(10,0) | 3,67        | ,83 |
| 4           | Khác (sức khỏe, hoàn cảnh gia đình ...) | 2<br>(2,0)                        | 5<br>(5,0) | 27<br>(27,0) | 59<br>(59,0) | 7<br>(7,0)   | 3,64        | ,77 |
| <b>Tổng</b> |                                         |                                   |            |              |              |              | <b>3,63</b> |     |

Từ bảng thống kê mô tả trên cho thấy, các nhân tố liên quan đến *Ý chí, nghị lực của học sinh* (ĐTB= 3,67) được CBTH đánh giá với số điểm trung bình cao nhất: trong đó ở mức độ ảnh hưởng nhiều và rất nhiều chiếm tỉ lệ tương đối cao (có 68 CB, chiếm 68%), có 23 CBTH (chiếm 23%) đánh giá ảnh hưởng mức trung bình, chỉ có 4% số cán bộ lựa chọn mức rất ít ảnh hưởng. Việc can thiệp, trợ giúp HS nghiện internet nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi là một quá trình lâu dài, tốn rất nhiều thời gian, vì vậy nếu HS thật sự có ý chí, nghị lực và sự quyết tâm thay đổi thì quá trình trợ giúp sẽ diễn ra thuận lợi và ở chiều hướng ngược lại sẽ khó kỳ vọng vào một kết quả tích cực. Theo quan điểm của Erikson trong học thuyết về các giai đoạn phát

triển con người, đây là giai đoạn trẻ em có sự phát triển hoàn thiện về sinh lí, kinh nghiệm sống và vai trò xã hội, trẻ nhận thức được bản sắc, giá trị của bản thân, người ta gọi đây là thời kỳ quá độ từ trẻ em sang người lớn. Trẻ em trở nên độc lập hơn, và bắt đầu nhìn vào tương lai dưới dạng sự nghiệp, các mối quan hệ, gia đình, nhà ở, vv. Các cá nhân muốn là một thành phần của xã hội và hòa nhập vào đó. Ở giai đoạn này các thanh thiếu niên sẽ xem xét lại bản dạng của mình và cố gắng tìm ra mình là ai. Trong khoảng thời gian này, họ tìm hiểu và bắt đầu hình thành bản sắc riêng của họ dựa trên các kết quả của các cuộc khám phá. Nếu trẻ em thất bại trong việc thiết lập một ý thức về bản sắc trong xã hội (“Tôi không biết những gì tôi muốn khi tôi lớn lên”) có thể dẫn đến nhầm lẫn vai trò, từ đó dẫn đến các em lung túng, mất phương hướng và thậm chí gây nên những khủng hoảng nhất định [4]. Vì vậy, vai trò của người lớn ở giai đoạn này rất quan trọng, một sự khích lệ, động viên nhẹ nhàng từ phía NVXH cũng là giải pháp quan trọng giúp HS nghiện internet phát huy ý chí và nghị lực để hướng đến việc thay đổi hành vi sử dụng internet không có lợi cho các em HS.

Tiếp đến là nhân tố liên quan đến *Kiến thức, sự hiểu của HS* (ĐTB = 3,66), tương đương mức ảnh hưởng nhiều. Trong đó, có 72% số cán bộ trường học cho rằng có ảnh hưởng ở mức nhiều và rất nhiều đến hoạt động CTXH; chỉ có 3% số CBTH đánh giá ở mức rất ít khi ảnh hưởng. Kiến thức, sự hiểu biết hạn chế chính là nguyên nhân dẫn đến việc các em bị nghiện internet, đồng thời cũng là yếu tố tác động đến hiệu quả các hoạt động được triển khai bởi CBTH. Một số trường hợp HS biết mình bị nghiện, nhưng không chịu thay đổi mà vẫn sử dụng internet để thỏa mãn nhu cầu bản thân hoặc vì ngại thay đổi, cũng có thể các em muốn chứng tỏ bản thân với bạn bè và đôi khi để thể hiện sự chống đối. Vì vậy, chúng tôi cho rằng kiến thức, sự hiểu biết của HS nghiện internet quyết định rất nhiều đến hiệu quả can thiệp của CBTH. Những yếu tố còn lại như thái độ hợp tác của HS; tình trạng sức khỏe hay hoàn cảnh kinh tế gia đình cũng được cán bộ trường học đánh giá với số điểm tương đối đồng đều và dao động trong mức ảnh hưởng nhiều đến hoạt động CTXH đối với HS nghiện internet ở các trường THCS tại tỉnh Bình Định.

So sánh về kết quả đánh giá giữa hai nhóm khách thể khảo sát cho thấy, ĐTB chung của yếu tố ảnh hưởng thuộc về HS nghiện internet được cán bộ trường học (CBTH) đánh giá là 3,63, tương đương mức ảnh hưởng nhiều đến các hoạt động CTXH. Về phía HS nghiện internet cũng đánh giá với số điểm trung bình tương đối cao (ĐTB = 3,52), tương ứng mức ảnh hưởng nhiều. Điều đó nói lên rằng các thông tin khảo sát được mang tính khách quan tương đối.

### 2.2.2. Yếu tố liên quan đến cán bộ làm công tác ở trường học

Những cán bộ, giáo viên ở trường học (CBTH), đóng vai trò là những NVXH kiêm học đường có ảnh hưởng quan trọng đến quá trình can thiệp, trợ giúp đối với HS nghiện internet tại các trường học. Xem xét sự ảnh hưởng của yếu tố này, bài viết đánh giá dựa trên năm khía cạnh như: kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm, trình độ chuyên môn, thái độ nghề nghiệp và thâm niên nghề nghiệp được mô tả cụ thể ở kết quả khảo sát thống kê mô tả dưới đây.

**Bảng 2. Ảnh hưởng của yếu tố từ CBTH**

| TT | Nhân tố                                                     | Tỉ lệ % theo các mức độ (n = 100) |            |              |              |              | ĐTB  | ĐLC  |
|----|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------|--------------|--------------|--------------|------|------|
|    |                                                             | Rất ít                            | Ít         | Trung bình   | Nhiều        | Rất nhiều    |      |      |
| 1  | Kiến thức, kĩ năng về nghề công tác xã hội                  | 10<br>(10,0)                      | 8<br>(8,0) | 21<br>(21,0) | 53<br>(53,0) | 8<br>(8,0)   | 3,45 | 1,03 |
| 2  | Kiến thức, kĩ năng làm việc về nghiện internet, game online | 3<br>(3,0)                        | 5<br>(5,0) | 18<br>(18,0) | 49<br>(49,0) | 25<br>(25,0) | 3,94 | ,81  |

|             |                       |            |              |              |              |              |             |     |
|-------------|-----------------------|------------|--------------|--------------|--------------|--------------|-------------|-----|
| 3           | Trình độ chuyên môn   | 6<br>(6,0) | 14<br>(14,0) | 27<br>(27,0) | 42<br>(42,0) | 11<br>(11,0) | 3,42        | ,98 |
| 4           | Thâm niên nghề nghiệp | 5<br>(5,0) | 7<br>(7,0)   | 38<br>(38,0) | 50<br>(50,0) | 0<br>(0,0)   | 3,33        | ,82 |
| 5           | Thái độ nghề nghiệp   | 2<br>(2,0) | 8<br>(8,0)   | 37<br>(37,0) | 48<br>(48,0) | 5<br>(5,0)   | 3,44        | ,77 |
| <b>Tổng</b> |                       |            |              |              |              |              | <b>3,52</b> |     |

Kết quả khảo sát ở Bảng 2 cho thấy, nhân tố liên quan đến *Kiến thức, kỹ năng làm việc về nghiệp internet, game online* được CBTH đánh giá với số điểm cao nhất, ĐTB là 3,94, tương đương sự ảnh hưởng ở mức nhiều. Trong đó, có 49 CBTH (chiếm 49%) lựa chọn mức ảnh hưởng nhiều và 25% ảnh hưởng mức rất nhiều, chỉ có 3% cho rằng rất ít khi ảnh hưởng đến hoạt động trợ giúp của CTXH. Kết quả này cho thấy có 97% cán bộ được hỏi cho rằng yếu tố này hoàn toàn có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của CTXH trong trợ giúp HS nghiệp internet. Khi được hỏi: *Thấy (cô) và các anh/chị từng biết đến những thông tin liên quan đến học sinh nghiệp internet thông qua những kênh thông tin nào?*, kết quả cho thấy có đến 53% số CB được hỏi cho rằng họ biết đến thông qua sách, báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng; 33% cho rằng tự tìm hiểu lấy thông qua kinh nghiệm bản thân; chỉ có 5% cán bộ cho rằng họ đã được tập huấn về vấn đề này. Để phát hiện, chẩn đoán các biểu hiện nhận thức, cảm xúc, hành vi; các nguyên nhân và hậu quả của việc nghiệp internet ở HS thực sự là một công đoạn khó khăn, đòi hỏi người trợ giúp phải có kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm làm việc về lĩnh vực này. Chưa kể việc phải tính đến công đoạn lập kế hoạch trị liệu giúp HS cai nghiện theo đúng quy trình khoa học, vì vậy, trong thời gian sắp tới các trường THCS tại địa bàn tỉnh Bình Định cần có những giải pháp nhằm tăng cường công tác tập huấn, tổ chức các chuyên đề, hội thảo nhằm giúp CBTH được tiếp cận, tăng cường kiến thức và kỹ năng để họ thực hiện vai trò của mình được tốt hơn.

Tiếp đến là yếu tố kiến thức và kỹ năng về lĩnh vực CTXH, có 58% số CBTH khi được hỏi đã trả lời có ảnh hưởng nhiều và rất nhiều; 21% đánh giá ảnh hưởng mức trung bình đến hoạt động CTXH trong trợ giúp HS giảm thiểu hành vi nghiệp internet, chỉ có 10% cho rằng rất ít ảnh hưởng. Bài viết cho rằng, mỗi ngành, nghề đều có đối tượng làm việc đặc thù, mục tiêu và thể mạnh khác nhau theo sự phân công của xã hội. Đã từ lâu, nghề CTXH hướng đến đối tượng trợ giúp là con người (cá nhân, nhóm, cộng đồng) có vấn đề khó khăn liên quan đến kinh tế, sự rối nhiễu về mặt tâm lý, lệch chuẩn về hành vi và một số khía cạnh khó khăn khác trong đời sống xã hội của họ, và, HS nghiệp internet chính là đối tượng nằm trong phạm vi cần sự trợ giúp của ngành CTXH. Với kiến thức nền tảng về tâm lý, hành vi con người, môi trường xã hội, kiến thức về chính sách an sinh xã hội,... cùng với đó là hệ thống những kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, người làm CTXH trường học dễ dàng tiếp cận, thấu cảm tâm lý HS nghiệp internet và từ đó đưa ra những hình thức can thiệp, hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp giúp HS nâng cao nhận thức, phát huy tiềm năng và thể mạnh của bản thân để cai nghiện internet có hiệu quả. Vì vậy, rõ ràng việc thiếu kiến thức, kỹ năng về lĩnh vực CTXH thực sự có những khó khăn nhất định đối với CBTH trong việc trợ giúp HS nghiệp internet ở các trường THCS trong thời gian qua. Theo kết quả khảo sát trước đó của chúng tôi cho thấy, trong số 100 CBTH được coi là NVXH kiêm nhiệm học đường ở các trường THCS tại Bình Định thì chỉ có 03 người được đào tạo sơ cấp, trung cấp về CTXH và 18% tổng số khách thể nghiên cứu được tham gia các lớp tập huấn về lĩnh vực CTXH theo Kế hoạch phát triển nghề CTXH trong ngành giáo dục giai đoạn 2017 – 2020 của Bộ GD&ĐT do tỉnh Bình Định tổ chức. Điều đó cũng cho thấy, tỉnh Bình Định cần có giải pháp tăng cường công tác tập huấn, đào tạo để CBTH được tiếp cận về lĩnh vực CTXH trong bối cảnh môi trường học đường đang có nhiều vấn đề cần có sự tham gia hoạt động trợ

giúp của nhân viên CTXH.

Tiếp đến là yếu tố liên quan đến thái độ nghề nghiệp của CBTH khi làm việc với HS nghiện internet, kết quả cho thấy ĐTB của yếu tố này là 3,44, tương đương với mức ảnh hưởng nhiều đến kết quả CTXH. Trong đó có 48% ý kiến CB đánh giá mức ảnh hưởng nhiều, 5% cho rằng ảnh hưởng rất nhiều, 37% mức trung bình, 2% ý kiến đánh giá mức hoàn toàn không ảnh hưởng, điều đó cho thấy 98% cán bộ thừa nhận thái độ nghề nghiệp hoàn toàn có ảnh hưởng đến hiệu quả CTXH. Thái độ hàm chứa hành vi, cách hành xử của CBTH khi làm việc với HS nghiện internet, tức là đề cập đến tính chuyên nghiệp hay không chuyên nghiệp. Trong CTXH thái độ nghề nghiệp được lượng định dựa trên quy điều đạo đức của nhân viên CTXH, chẳng hạn, trích Thông tư 01/2017/TT-BLĐTBH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định, những người làm nghề công tác xã hội phải đảm bảo các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cụ thể như sau: “Cần, kiệm, liêm, chính, không được lạm dụng các mối quan hệ với đối tượng để vụ lợi cá nhân; xác định rõ ranh giới giữa cuộc sống cá nhân và nghề nghiệp; Tâm huyết, trách nhiệm, chủ động và sáng tạo trong việc cung cấp dịch vụ công tác xã hội chuyên nghiệp cho đối tượng; kiên nhẫn, thấu hiểu, chia sẻ và quan tâm đối với đối tượng; Đặt lợi ích của đối tượng là quan trọng nhất trong quá trình hoạt động nghề công tác xã hội; Chịu trách nhiệm về các hoạt động nghề nghiệp của mình theo quy định của pháp luật...” [11]. Khi được hỏi về thái độ làm việc của CBTH, có 47,5 trường hợp HS nghiện internet đánh giá mức bình thường, 23,7% cho rằng chuyên nghiệp, 13,6% cho rằng rất chuyên nghiệp, số còn lại cho rằng chưa thực sự chuyên nghiệp (có 61 HS, chiếm 23,7%), điều đó cho thấy vẫn còn nhiều CBTH vì lý do nào đó khi làm việc có thể còn tỏ thái độ khó chịu, mang tính bề trên, không chịu lắng nghe hoặc thậm chí áp đặt trong quá trình trợ giúp HS nghiện internet. Dĩ nhiên mỗi nghề đều có quy định đạo đức riêng của ngành, song việc không được đào tạo chính quy về CTXH có ảnh hưởng không nhỏ đến kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp dẫn đến hiệu quả hoạt động CTXH đối với HS nghiện internet không đạt kết quả như mong muốn.

Xét về yếu tố trình độ chuyên môn của CBTH mặc dù ĐTB = 3,42, mức thấp hơn khi so với các yếu tố kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp nhưng vẫn thuộc mức độ cao trong giá trị thang đo (mức ảnh hưởng nhiều). Cụ thể: 42% CB đánh giá ảnh hưởng nhiều, 27% mức trung bình, 11% ảnh hưởng rất nhiều, rất ít CB đánh giá mức rất ít ảnh hưởng. Kết quả khảo sát trước đó cho thấy, đa số CBTH làm việc có trình độ chuyên môn ở bậc Đại học là 53%, 34% trình độ Cao đẳng, 4% Trung cấp chuyên nghiệp và 9% trình độ Sau đại học. Điều đó cho thấy đa số CBTH đều có trình độ chuyên môn đã được chuẩn hóa theo Điều 2 của Thông tư liên tịch số: 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS công lập, trong đó Giáo viên trung học cơ sở hạng I và hạng II phải có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên và Giáo viên trung học cơ sở hạng III có bằng tốt nghiệp Cao đẳng trở lên [12].

Riêng khía cạnh liên quan đến thâm niên nghề nghiệp được CBTH đánh giá với mức thấp điểm tương đối thấp, ĐTB = 3,33, tương đương sự ảnh hưởng trong mức trung bình. Quan điểm của tác giả cho rằng, thâm niên nghề nghiệp có ảnh hưởng đến kinh nghiệm làm việc của giáo viên, cán bộ trường học làm công việc kiêm nhiệm học đường. Tức là những cán bộ, giáo viên có thời gian làm việc với nghề lâu năm sẽ có kiến thức, kỹ năng, sự thấu cảm về vấn đề của học sinh nhiều hơn so với những cán bộ, giáo viên mới bước vào nghề, do đó chắc chắn họ sẽ gặp không ít khó khăn trong quá trình can thiệp và trợ giúp HS nghiện internet.

So sánh kết quả đánh giá về sự ảnh hưởng của yếu tố CBTH cho thấy, ĐTB theo ý kiến đánh giá của HS nghiện internet là cao hơn so với cán bộ làm công tác can thiệp, hỗ trợ ở trường học (ĐTB là 3,61 so với 3,52), nhưng sự chênh lệch này không cao và đều nằm trong mức ảnh hưởng nhiều đến hoạt động CTXH.

### 2.2.3. Yếu tố liên quan đến luật pháp, chính sách của nhà nước

Nghiên cứu ảnh hưởng của yếu tố chính sách chế độ với hiệu quả hoạt động của CTXH, bài

viết tìm hiểu các khía cạnh: Quy định về chính sách, pháp luật đối với nghề công tác xã hội; Chính sách, pháp luật liên quan đến nhân viên công tác xã hội (Giấy phép hành nghề; phạm vi, quyền hạn, chức năng của nhân viên xã hội); Chính sách về sự quy định về phối hợp giữa các ngành, các cấp chính quyền với nhân viên công tác xã hội trong việc phòng ngừa học sinh nghiện internet; Luật pháp, chính sách về quản lý và sử dụng internet. Kết quả khảo sát cho thấy đây là yếu tố có ĐTB được CBTH đánh giá với số điểm cao nhất (ĐTB =3,48), tương đương với mức độ ảnh hưởng nhiều đến hoạt động CTXH.

**Bảng 3. Ảnh hưởng của yếu tố luật pháp, chính sách**

| TT          | Nhân tố                                                                                                                                                | Tỉ lệ % theo các mức độ (n = 100) |              |              |              |              | ĐTB         | ĐLC  |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|-------------|------|
|             |                                                                                                                                                        | Rất ít                            | Ít           | Trung bình   | Nhiều        | Rất nhiều    |             |      |
| 1           | Quy định về chính sách, pháp luật đối với nghề công tác xã hội                                                                                         | 6<br>(6,0)                        | 5<br>(5,0)   | 41<br>(41,0) | 47<br>(47,0) | 1<br>(1,0)   | 3,31        | ,84  |
| 2           | Chính sách, pháp luật liên quan đến nhân viên công tác xã hội (Giấy phép hành nghề; phạm vi, quyền hạn, chức năng của nhân viên xã hội)                | 16<br>(16,0)                      | 9<br>(9,0)   | 13<br>(13,0) | 38<br>(38,0) | 24<br>(24,0) | 3,43        | 1,02 |
| 3           | Chính sách về sự quy định về phối hợp giữa các ngành, các cấp chính quyền với nhân viên công tác xã hội trong việc phòng ngừa học sinh nghiện internet | 7<br>(7,0)                        | 14<br>(14,0) | 15<br>(15,0) | 51<br>(51,0) | 13<br>(13,0) | 3,52        | ,97  |
| 4           | Luật pháp, chính sách về quản lý và sử dụng internet                                                                                                   | 8<br>(8,0)                        | 6<br>(6,0)   | 13<br>(13,0) | 56<br>(56,0) | 17<br>(17,0) | 3,65        | 1,01 |
| <b>Tổng</b> |                                                                                                                                                        |                                   |              |              |              |              | <b>3,48</b> |      |

Một yếu tố được đánh giá có ảnh hưởng lớn nhất trong yếu tố thuộc về luật pháp, chính sách là yếu tố liên quan đến khía cạnh những quy định về quản lý và sử dụng internet đối với học sinh. Điểm trung bình của yếu tố này là 3,48, tương đương với mức ảnh hưởng nhiều, trong đó có đến 56% cán bộ trường học cho rằng ảnh hưởng ở mức nhiều; 17% ảnh hưởng rất nhiều; 13% mức ảnh hưởng trung bình và chỉ có 8% ý kiến cho rằng hoàn toàn không ảnh hưởng. Bài viết cho rằng mặc dù hiện nay chúng ta đã có những quy định cụ thể về quản lý và sử dụng mạng internet đối gồm độ tuổi sử dụng, nội dung phù hợp, thời gian hoạt động kinh doanh về mạng internet,... Chẳng hạn như: Thông tư liên tịch số 60/2006/TTLT/BVHTT-BBCVT-BCA [13] của Bộ Công an về quản lý trò chơi trực tuyến. Nghị định 28/2009/NĐ-CP [14] hướng dẫn việc xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet để tăng cường xử phạt các tổ chức, cá nhân vi phạm. Gần đây nhất, ngày 15-7-2013, Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị định 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, chính thức có hiệu lực vào ngày 1-9-2013, bãi bỏ Thông tư 60/2006 [15]. Tuy vậy, có thể nhận thấy trong các tiệm kinh doanh internet vẫn đủ các

loại hình Game mà HS có thể sử dụng, hơn nữa có nhiều tiệm kinh doanh vẫn không tuân thủ về mặt thời gian theo quy định của pháp luật. Đây chính là khoảng trống dẫn đến việc giới trẻ, trong đó có HS có điều kiện tìm đến và sử dụng mạng internet bất chấp những cảnh báo từ gia đình và nhà trường.

Tiếp theo là yếu tố liên quan đến chính sách về sự quy định về phối hợp giữa các ngành, các cấp chính quyền với nhân viên công tác xã hội trong việc phòng ngừa học sinh nghiện internet có số điểm đánh giá số điểm tương đối cao, ĐTB = 3,52 (mức ảnh hưởng nhiều). Việc phối hợp giữa các ngành, các cấp với nhân viên XH và cán bộ làm công tác trường học được quy định rất cụ thể tại Thông tư liên tịch số 34/2009/TTLT-BGDĐT- BCA ngày 20/11/2009 hướng dẫn phối hợp thực hiện công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; hoặc tại Nghị định số 56/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em (Nghị định 56), quy định rõ trách nhiệm, nâng cao ý thức, trách nhiệm của gia đình, nhà trường, doanh nghiệp, cộng đồng và các cơ quan quản lý nhà nước trong việc bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng. Tuy vậy, trên thực tế việc thực hiện sự phối hợp chưa có có sự đồng bộ, mạnh ai nấy làm, chính vì vậy ảnh hưởng nhiều đến hoạt động can thiệp, phòng ngừa học sinh nghiện internet.

Một yếu tố khác liên quan đến Chính sách, pháp luật liên quan đến nhân viên công tác xã hội (Giấy phép hành nghề; phạm vi, quyền hạn, chức năng của nhân viên xã hội) cũng được đánh giá tương đối ảnh hưởng nhiều đến hoạt động CTXH. Điểm trung bình chung của yếu tố này là 3,43, trong đó: 38% CBTH lựa chọn mức ảnh hưởng nhiều; 24% mức rất nhiều; 13% mức ảnh hưởng trung bình. CBTH là chủ thể trực tiếp chuyển tải các chính sách, dịch vụ xã hội, vận dụng các phương pháp của ngành để trợ giúp các thân chủ, chính vì lẽ đó cho nên trong đề án Đề án 32 về phát triển Nghề CTXH (Số: 32/2010/QĐ-TTg) đã quy định rõ về các lĩnh vực hoạt động chuyên môn, các trách nhiệm cụ thể cũng như phân mã và hạng chức danh nghề nghiệp. Đặc biệt mới đây Bộ Giáo dục và Đào tạo đã Ban hành kèm theo Quyết định số: 327/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 01 năm 2017 về phát triển ngành CTXH trong giáo dục giai đoạn 2016 – 2020, với mục tiêu phát triển công CTXH trong ngành Giáo dục nhằm từng bước hình thành và phát triển hệ thống dịch vụ CTXH chuyên nghiệp trong tất cả các nhà trường trên toàn quốc, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho các ngành sử dụng nhân viên CTXH chuyên nghiệp. Và, trong các đề án, thông tư và kế hoạch được ban hành nêu trên đều quy định cụ thể về trách nhiệm, quyền hạn và các chức năng cụ thể của nhân viên CTXH, trong đó có nhân viên CTXH học đường. Và, để thực hiện có hiệu quả CTXH trong trường học, ngày 25 tháng 12 năm 2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư (Số: 33/2018/TT-BGDĐT) Hướng dẫn Công tác xã hội trong trường học. Thông tư này được xem là cơ sở quan trọng để nhân viên CTXH (bao gồm cả những cán bộ, giáo viên kiêm nhiệm) thực hiện các hoạt động trợ giúp HS có vấn đề khó khăn cần sự trợ giúp. Cụ thể, về nội dung bao gồm: 1) Phát hiện các nguy cơ trong và ngoài cơ sở giáo dục có ảnh hưởng tiêu cực đến người học; phát hiện các vụ việc liên quan đến người học có hoàn cảnh đặc biệt, bị xâm hại, có hành vi bạo lực, bỏ học, vi phạm pháp luật; 2) Tổ chức các hoạt động phòng ngừa, hạn chế nguy cơ người học rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, bị xâm hại, bị bạo lực, bỏ học, vi phạm pháp luật; 3) Thực hiện quy trình can thiệp, trợ giúp đối với người học có hoàn cảnh đặc biệt, bị xâm hại, bị bạo lực, bỏ học, vi phạm pháp luật; 4) Phối hợp với gia đình, chính quyền địa phương và các đơn vị cung cấp dịch vụ công tác xã hội tại cộng đồng, thực hiện việc can thiệp, trợ giúp đối với người học cần can thiệp, trợ giúp khẩn cấp hoặc giáo viên, người học có nhu cầu can thiệp, hỗ trợ; 5) Tổ chức các hoạt động hỗ trợ phát triển, hòa nhập cộng đồng cho người học sau can thiệp hoặc người học, giáo viên, phụ huynh có nhu cầu hỗ trợ phát triển, hòa nhập cộng đồng [16]. Mặc dù vậy, trong lĩnh vực CTXH ở trường học, vị trí của nhân viên CTXH vì lý do nào đó vẫn chưa được định hình cụ thể, đa số là các cán bộ, nhân viên và giáo viên đóng vai trò kiêm nhiệm của CTXH. Vì vậy, tác giả cho rằng một khi các chính sách, pháp luật liên quan đến

nhân viên công tác xã hội (Giấy phép hành nghề; phạm vi, quyền hạn, chức năng của nhân viên xã hội) chưa được định hình rõ ràng sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động trợ giúp đối với HS có vấn đề khó khăn nói chung và HS nghiện internet nói riêng. Riêng yếu tố liên quan đến Quy định về chính sách, pháp luật đối với nghề công tác xã hội được đánh giá ảnh hưởng ở mức trung bình ( $\overline{DTB} = 3,31$ ), theo tác giả việc chưa có Luật cụ thể đối với nghề CTXH cũng có những ảnh hưởng nhiều đến hoạt động CTXH. Bởi vì, một khi CTXH được đưa vào luật, người làm CTXH sẽ được quy định cụ thể hơn về vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình được rõ ràng hơn.

So sánh sự ảnh hưởng của yếu tố luật pháp, chính sách cho thấy, có sự chênh lệch về ý kiến đánh giá giữa HS nghiện internet và CBTH ở yếu tố này. Cụ thể, phía CBTH đánh giá sự ảnh hưởng ở mức nhiều, trong khi HS đánh giá ở mức ảnh hưởng trung bình đến hoạt động CTXH ( $\overline{DTB}$  là 3,48 so với 3,25). Theo tác giả, ở yếu tố này do bản thân HS chưa quan tâm nhiều hoặc chưa biết đến các chính sách xã hội, vì vậy các thông tin do các em cung cấp nhiều khi chỉ mang tính chất tham khảo.

#### 2.2.4. Yếu tố liên quan đến cơ sở vật chất, nguồn lực của nhà trường

Nghiên cứu yếu tố này, bài viết xem xét dựa trên các nhân tố như: điều kiện vật chất, trang thiết bị; nguồn nhân lực và sự quan tâm của nhà trường.

**Bảng 4. Ảnh hưởng của yếu tố cơ sở vật chất, nguồn lực của nhà trường**

| TT          | Nhân tố                            | Tỉ lệ % theo các mức độ (n = 100) |            |              |              |              | ĐTB         | ĐLC  |
|-------------|------------------------------------|-----------------------------------|------------|--------------|--------------|--------------|-------------|------|
|             |                                    | Rất ít                            | Ít         | Trung bình   | Nhiều        | Rất nhiều    |             |      |
| 1           | Điều kiện vật chất, trang thiết bị | 7<br>(7,0)                        | 4<br>(4,0) | 21<br>(21,0) | 57<br>(57,0) | 11<br>(11,0) | 3,61        | ,98  |
| 2           | Sự quan tâm của nhà trường         | 9<br>(9,0)                        | 8<br>(8,0) | 28<br>(28,0) | 47<br>(47,0) | 8<br>(8,0)   | 3,37        | 1,05 |
| 3           | Nguồn nhân lực của nhà trường      | 7<br>(7,0)                        | 9<br>(9,0) | 19<br>(19,0) | 58<br>(58,0) | 7<br>(7,0)   | 3,49        | 1,00 |
| <b>Tổng</b> |                                    |                                   |            |              |              |              | <b>3,49</b> |      |

Kết quả từ bảng 4 cho thấy, nhân tố liên quan đến *Điều kiện vật chất, trang thiết bị* có được đánh giá với số điểm cao nhất,  $\overline{DTB}$  là 3,61, tương đương sự ảnh hưởng nhiều đến hoạt động CTXH. Cụ thể: 57% CBTH cho rằng có ảnh hưởng nhiều; 21% đánh giá mức ảnh hưởng trung bình; 11% ảnh hưởng mức rất nhiều, có 7% mức rất ít. Đánh giá về điều kiện vật chất, trang thiết bị của nhà trường để thực hiện các hoạt động can thiệp đối với HS nghiện internet cho thấy, có 35% cán bộ cho rằng đảm bảo phần nào; 11% đánh giá mức bình thường; 4% cho rằng đảm bảo, không có cán bộ đánh giá mức đảm bảo, trong khi có đến 50% cán bộ đánh giá mức không đảm bảo. Điều kiện vật chất như: phòng ốc, bàn ghế; các trang thiết bị máy móc như tivi, âm thanh, ánh sáng, đồ chơi,... đều cần thiết cho việc trị liệu, phát triển kỹ năng cho HS trong quá trình cai nghiện internet. Vì vậy, việc nếu những yếu tố đó không được đảm bảo chắc chắn có ảnh hưởng đến hoạt động trợ giúp của các cán bộ làm công tác học đường.

Đánh giá về yếu tố liên quan đến nguồn nhân lực được cán bộ trường học đánh giá mức ảnh hưởng nhiều chiếm 58%, mức rất nhiều là 7%, 19% cán bộ cho rằng ảnh hưởng mức trung bình, chỉ có 7% cán bộ đánh giá mức hoàn toàn không ảnh hưởng,  $\overline{DTB}$  của yếu tố này là 3,49, tương đương với mức ảnh hưởng nhiều đến hoạt động CTXH. Nguồn nhân lực chính là việc đề cập đến đội ngũ cán bộ trường học chuyên làm công tác can thiệp, phòng ngừa, trợ giúp học sinh giảm thiểu hành vi nghiện internet. Ở phần trên kết quả khảo sát phần nào cho thấy hiện

nay đội ngũ này ở các trường THCS tại Bình Định còn thiếu, mỗi trường chỉ có một vài cán bộ làm về y tế học đường, đa số làm công tác kiêm nhiệm và rất ít người được đào tạo, tập huấn về CTXH nói chung và lĩnh vực trợ giúp HS nghiện internet. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả công tác can thiệp, giảm thiểu trường hợp HS nghiện internet giảm pháp trước mắt cần tăng cường công tác đào tạo, tập huấn cho cán bộ làm công tác kiêm nhiệm, còn về lâu dài nên có chính sách bổ sung đội ngũ nhân viên CTXH chuyên nghiệp về làm việc tại nhà trường.

Với nhân tố liên quan đến sự quan tâm của nhà trường được cán bộ trường học cho rằng có ảnh hưởng ở mức thấp với hoạt động CTXH trong thời gian qua. Qua tìm hiểu, cũng như kết quả khảo sát trước đó cho thấy trong thời gian qua lãnh đạo các trường, đội ngũ nhân viên và giáo viên ở THCS rất quan tâm đến công tác tuyên truyền, tư vấn hỗ trợ cho HS nghiện internet qua nhiều phương thức trực tiếp và gián tiếp khác nhau.

Đánh giá chung về sự ảnh hưởng của yếu tố liên quan đến cơ sở vật chất, nguồn lực của nhà trường cho thấy, ĐTB theo ý kiến đánh giá của HS nghiện internet thấp hơn so với CBTH (3,37 so với 3,49). Điều đó cho thấy chưa có sự tương đồng về các thông tin thu thập được từ hai nhóm khách thể nêu trên.

#### 2.2.5. Yếu tố thuộc về gia đình

Xét theo quan điểm của lý thuyết hệ thống thì gia đình được xem là một hệ thống và có tác động quan trọng đến vấn đề nghiện internet ở HS. Xem xét yếu tố từ hệ thống gia đình, tác giả đánh giá dựa trên các nhân tố như nhận thức, sự hiểu biết, thái độ, hoàn cảnh kinh tế của gia đình của HS.

**Bảng 5. Ảnh hưởng của yếu tố từ phía gia đình**

| TT          | Nội dung                                                | Tỉ lệ % theo các mức độ (n = 100) |              |              |              |              | ĐTB         | ĐLC  |
|-------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|-------------|------|
|             |                                                         | Rất ít                            | Ít           | Trung bình   | Nhiều        | Rất nhiều    |             |      |
| 1           | Nhận thức về tình hình sử dụng internet của con em mình | 3<br>(3,0)                        | 9<br>(9,0)   | 28<br>(28,0) | 29<br>(29,0) | 31<br>(31,0) | 3,78        | 1,08 |
| 2           | Kiến thức, kĩ năng, phương pháp trợ giúp con em mình    | 6<br>(6,0)                        | 4<br>(4,0)   | 24<br>(24,0) | 40<br>(40,0) | 26<br>(26,0) | 3,74        | 1,00 |
| 3           | Thái độ, sự quan tâm phối hợp của phụ huynh             | 3<br>(3,0)                        | 11<br>(11,0) | 27<br>(27,0) | 28<br>(28,0) | 31<br>(31,0) | 3,73        | 1,01 |
| 4           | Điều kiện kinh tế, hoàn cảnh gia đình                   | 2<br>(2,0)                        | 7<br>(7,0)   | 45<br>(45,0) | 43<br>(45,0) | 3<br>(3,0)   | 3,36        | ,72  |
| <b>Tổng</b> |                                                         |                                   |              |              |              |              | <b>3,65</b> |      |

Kết quả khảo sát ở bảng số 5 cho thấy, yếu tố liên quan đến *Nhận thức về tình hình sử dụng internet của con em mình* có ảnh hưởng lớn nhất, ĐTB = 3,78, tương đương mức ảnh hưởng nhiều đến hoạt động CTXH. Trong đó, có 60% CBTH cho rằng có ảnh hưởng nhiều và rất nhiều; 28% ảnh hưởng mức trung bình, chỉ có 3% cho rằng ảnh hưởng ở mức rất ít. Để tìm hiểu về vấn đề này, chúng tôi đặt câu hỏi khảo sát HS nghiện internet: *Gia đình bạn có biết về mức độ sử dụng internet của bạn hay không?*, kết quả cho thấy có đến 58% học sinh nghiện internet cho rằng không biết và 42% gia đình có biết đến mức độ sử dụng internet của học sinh (*Nguồn: kết quả khảo sát*). Qua đó cho thấy, còn nhiều phụ huynh chưa nhận thức được việc con em mình sử dụng internet ở mức độ nào, chính điều đó dẫn đến sự thiếu quan tâm, phối hợp để tìm ra cách thức trợ giúp HS thay đổi hành vi sử dụng internet. Không chỉ hạn chế trong việc nắm

bất tình trạng nghiện internet của con em mình, hiện nay nhiều phụ huynh chưa được trang bị những kiến thức, sự hiểu về nghiện internet, nguyên nhân, hậu quả và các phương pháp để trợ giúp học sinh khi phát hiện con em bị nghiện internet. Đánh giá về sự ảnh hưởng của yếu tố này, có đến 66% CBTH cho rằng có ảnh hưởng nhiều và rất nhiều; 24% mức ảnh hưởng trung bình.

Bên cạnh nhận thức, kĩ năng của phụ huynh, yếu tố *Thái độ, sự quan tâm phối hợp của phụ huynh* cũng có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động CTXH. Kết quả khảo sát cho thấy, ĐTB của yếu tố này là 3,73, tương ứng sự ảnh hưởng ở mức nhiều theo tiêu chí thang đo. Tác giả cho rằng, thái độ không thiếu quan tâm của phụ huynh không chỉ ảnh hưởng đến việc con em họ bị nghiện, mà còn gây ra những khó khăn trở ngại cho cán bộ trường học khi tiếp cận thu thập thông tin, xây dựng các kế hoạch trợ giúp đối với học sinh nghiện internet. Chính vì vậy, những đánh giá của cán bộ trường học cho rằng yếu tố này ảnh hưởng nhiều đến hoạt động CTXH là có cơ sở và mang tính khách quan.

Yếu tố được CBTH cho rằng có ảnh hưởng thấp nhất đến hoạt động CTXH là *Điều kiện kinh tế, hoàn cảnh gia đình*, ĐTB = 3,36 (mức trung bình). Nhưng tác giả cho rằng hoàn cảnh gia đình (mồ côi cha mẹ, cha mẹ li thân, li dị, ...), cũng như điều kiện kinh tế khó khăn cũng có tác động nhất định đến quá trình thay đổi hành vi nghiện internet của học sinh nghiện internet; và, điều này cũng cản trở rất nhiều cho việc thực hiện các hoạt động can thiệp, trị liệu của cán bộ trường học. Vì vậy, khi xem xét các giải pháp trợ giúp cần quan tâm đến khía cạnh của hoàn cảnh, điều kiện ở gia đình của mỗi học sinh nghiện internet.

So sánh kết quả khảo sát giữa hai nhóm khách thể cho thấy, về phía HS nghiện internet các em đánh giá sự ảnh hưởng của yếu tố này ở mức độ trung bình (ĐTB = 3,40), gần tiệm cận mức ảnh hưởng nhiều đến hoạt động CTXH. Trong khi đó, về phía CBTH cho kết quả ĐTB là 3,65, tương ứng mức ảnh hưởng nhiều. Tác giả nhận thấy sự đánh giá của CBTH đối với yếu tố gia đình là mang tính khách quan, bởi lẽ gia đình là một hệ thống, muốn trợ giúp HS chuyển giảm hành vi sử dụng internet theo chiều hướng tích cực cần có sự tham gia hợp tác, phối hợp bởi các thành viên trong gia đình.

#### 2.2.6. Ảnh hưởng từ phía cộng đồng

Cộng đồng có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động can thiệp, trợ giúp của CTXH đối với HS nghiện internet. Khi xem xét sự ảnh hưởng của vấn đề này, tác giả xem xét trên các khía cạnh như: Nhận thức về nghề CTXH; sự quan tâm phối hợp trong cộng đồng và công tác truyền thông về nghiện internet ở cộng đồng dân cư.

**Bảng 6. Nhóm yếu tố ảnh hưởng từ cộng đồng**

| TT          | Yếu tố                                                                        | Tỉ lệ % theo các mức độ (n = 100) |      |            |       |           | ĐTB  | ĐLC  |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------|------------|-------|-----------|------|------|
|             |                                                                               | Rất ít                            | Ít   | Trung bình | Nhiều | Rất nhiều |      |      |
| 1           | Nhận thức về nghề công tác xã hội                                             | 9,0                               | 18,0 | 23,0       | 41,0  | 9,0       | 3,23 | 1,13 |
| 2           | Sự quan tâm, phối hợp giữa cộng đồng trong vấn đề phòng chống nghiện internet | 4,0                               | 20,0 | 22,0       | 52,0  | 2,0       | 3,28 | 0,94 |
| 3           | Công tác truyền thông giáo dục, phòng ngừa nghiện internet                    | 2,0                               | 25,0 | 25,0       | 47,0  | 1,0       | 3,20 | 0,90 |
| <b>Tổng</b> |                                                                               | <b>3,24</b>                       |      |            |       |           |      |      |

Kết quả khảo sát từ bảng 6 cho thấy, ĐTB chung yếu tố liên quan đến cộng đồng là 3,24, tương đương mức ảnh hưởng trung bình. Trong đó, theo đánh giá của CBTH thì yếu tố liên quan đến *Sự quan tâm, phối hợp giữa cộng đồng trong vấn đề phòng chống nghiện internet* được đánh giá với mức điểm cao nhất, nhưng chỉ dao động ở mức ảnh hưởng trung bình, cụ thể: có 52% CB đánh giá mức ảnh hưởng nhiều; 22% ý kiến đánh giá ảnh hưởng mức trung bình và 20% mức ảnh hưởng ít. Chúng tôi cho rằng, sự quan tâm, phối hợp giữa chính quyền địa phương với gia đình học sinh và nhà trường đóng vai trò quan trọng trong công tác can thiệp, trợ giúp đối HS nghiện internet. Vì vậy, cần có sự đánh giá khách quan, tổng thể dựa trên nhiều khía cạnh và các nguồn thông tin để đưa ra những giải pháp có hiệu quả nhằm hạn chế tình trạng nghiện internet ở giới trẻ nói chung và học sinh nói riêng.

Bên cạnh sự quan tâm, phối hợp trong cộng đồng, khía cạnh liên quan đến *Nhận thức của cộng đồng xã hội về nghề CTXH* nói chung và CTXH trong học đường cũng có những ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả các hoạt động CTXH đối với HS nghiện internet. Điểm trung bình theo ý kiến đánh giá của CBTH ở nội dung này là 3,23 (mức ảnh hưởng trung bình), trong đó có 41% ý kiến cho rằng ảnh hưởng mức nhiều; 23% mức trung bình, có 18% lựa chọn mức ảnh hưởng ít và 9% đánh giá không bao giờ ảnh hưởng. Tác giả cho rằng, Công tác xã hội ở Việt Nam là một nghề còn mới, do đó nhận thức của các cấp chính quyền và người dân vai trò, chức năng của nghề này còn có những hạn chế nhất định. Vì thế, cần tăng cường công tác tập huấn, truyền thông để mọi người hiểu được tầm quan trọng của nghề trong lĩnh vực trường học và các lĩnh vực khác trong đời sống xã hội.

Một khía cạnh khác xuất phát từ cộng đồng có ảnh hưởng đến hoạt động CTXH đối với HS nghiện internet là yếu tố liên quan đến *Công tác truyền thông giáo dục, phòng ngừa nghiện internet*. Điểm trung bình của yếu tố này tương đối thấp, ĐTB = 3,20, tương đương mức ảnh hưởng trung bình: có 47% đánh giá mức ảnh hưởng nhiều; 25% cán bộ đánh giá mức trung bình; 25% mức độ ít ảnh hưởng. Truyền thông chính là quá trình truyền tải các thông tin, thông điệp liên quan đến nguyên nhân, hậu quả, biện pháp phòng ngừa học sinh nghiện internet đến mọi người dân trong cộng đồng xã hội. Tuy vậy, thực tế cho thấy hiện nay công tác này vẫn triển khai còn ít, thậm chí một số nơi chưa thực hiện, vì thế mà hiện nay tình trạng nghiện internet, game online ở lứa tuổi thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên diễn ra rất nhiều. Tình trạng trộm cắp tài sản, vi phạm pháp luật trong thời gian qua ở nhiều tỉnh thành, trong đó có tỉnh Bình Định diễn ra có nguyên nhân bắt nguồn từ nghiện Games online. Điều đó cho thấy cần tăng cường công tác truyền thông để nâng cao nhận thức cho giới trẻ, cũng như các bậc phụ huynh về tác hại của nghiện internet, Games online.

## 2.2.7. Phân tích các yếu tố cụ thể ảnh hưởng đến hoạt động công tác xã hội theo mô hình hồi quy

**Bảng 7. Tổng hợp các trị số hồi quy tuyến tính đơn**

| TT | Các yếu tố                   | R<br>(Hệ số tương quan) | $\beta$<br>(Hệ số hồi quy được chuẩn hóa) | R <sup>2</sup><br>Hiệu chỉnh | P<br>(Mức ý nghĩa) |
|----|------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------|------------------------------|--------------------|
| 1  | Yếu tố HS                    | 0,408                   | 0,459                                     | 0,250                        | 0,000              |
| 2  | Yếu tố CBTH                  | 0,309                   | 0,309                                     | 0,095                        | 0,002              |
| 3  | Yếu tố luật pháp, chính sách | 0,050                   | -0,043                                    | 0,003                        | 0,620              |
| 4  | Yếu tố nguồn lực nhà trường  | 0,227                   | 0,227                                     | 0,051                        | 0,023              |
| 5  | Yếu tố phụ huynh             | 0,396                   | 0,258                                     | 0,157                        | 0,000              |
| 6  | Yếu tố cộng đồng             | 0,308                   | 0,207                                     | 0,094                        | 0,002              |

Kết quả hồi quy đơn biến (Bảng 7) cho thấy cho thấy các yếu tố: Bản thân HS nghiện internet ( $R = 0,500$ ;  $P = 0,00$ ); CBTH ( $R = 0,309$ ;  $P = 0,002$ ); Cơ sở vật chất, nguồn lực nhà trường ( $R = 0,227$ ;  $P = 0,023$ ); Phụ huynh học sinh ( $R = 0,396$ ;  $P = 0,00$ ); Cộng đồng ( $R = 0,308$ ;  $P = 0,002$ ), đều có mức ý nghĩa nhỏ hơn 0,05 và đều là hệ số dương (lớn hơn 0) nên chúng có ảnh hưởng theo chiều thuận đến hoạt động công tác xã hội. Riêng yếu tố liên quan đến *Luật pháp, chính sách* ( $R = 0,050$ ;  $P = 0,620$ ) không có ý nghĩa về mặt thống kê do mức ý nghĩa lớn hơn 0,05, do đó chưa thể khẳng định có ảnh hưởng đến hoạt động CTXH trong trợ giúp HS nghiện internet.

Trong số các yếu tố theo kết quả hồi quy đơn biến cho thấy, yếu tố thuộc về bản thân HS nghiện internet có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động CTXH ( $R^2 = 0,250$ ). Điều này có nghĩa là yếu tố liên quan đến bản thân HS nghiện internet giải thích được 25% sự biến đổi hiệu quả các hoạt động công tác xã hội. Hay nói cách khác nếu HS nghiện internet có nhận thức được hậu quả của việc nghiện internet, có suy nghĩ tích cực và thái độ hợp tác theo định hướng trợ giúp của CBTH thì việc cai nghiện internet của các em sẽ dần được tốt hơn. Yếu tố ảnh hưởng mạnh tiếp theo là phụ huynh của HS, với  $R^2 = 0,157$ , tức là nó giải thích được 15,7% sự biến đổi các hoạt động CTXH trong trợ giúp HS nghiện internet nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi tiêu cực. Điều này nói lên rằng nếu phụ huynh có con em bị nghiện internet được nâng cao sự hiểu biết về nghiện internet; có thái độ quan tâm đến con em mình và tích cực hợp tác với CBTH trong quá trình trợ giúp HS thì hiệu quả các hoạt động CTXH sẽ mang lại hiệu quả tích cực. Một số yếu tố khác giải thích được sự thay đổi của hoạt động CTXH thấp hơn như: CBTH là 9,5% và yếu tố cộng đồng giải thích được 9,4% sự thay đổi, riêng yếu tố nguồn lực của nhà trường có mức giải thích thấp nhất (5,1%).

**Bảng 8. Tổng hợp các trị số hồi quy tuyến tính chung**

| TT                 | Các yếu tố                   | $\beta$<br>(Hệ số hồi<br>quy chưa<br>chuẩn hóa) | SD<br>(Độ lệch<br>chuẩn của<br>sai số) | $\beta$<br>(Hệ số hồi<br>quy được<br>chuẩn hóa) | P<br>(Mức ý<br>nghĩa) |
|--------------------|------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------|
| 1                  | Yếu tố HS                    | 0,366                                           | 0,478                                  | 0,399                                           | 0,001                 |
| 2                  | Yếu tố CBTH                  | 0,019                                           | 0,105                                  | 0,016                                           | 0,001                 |
| 3                  | Yếu tố luật pháp, chính sách | -0,087                                          | 0,121                                  | -0,102                                          | 0,875                 |
| 4                  | Yếu tố nguồn lực nhà trường  | 0,011                                           | 0,076                                  | 0,016                                           | 0,256                 |
| 5                  | Yếu tố phụ huynh             | 0,071                                           | 0,069                                  | 0,109                                           | 0,867                 |
| 6                  | Yếu tố cộng đồng             | 0,085                                           | 0,074                                  | 0,127                                           | 0,343                 |
| <b>Hệ số chung</b> |                              | <b>0,543</b>                                    |                                        | <b>0,295</b>                                    |                       |

Như vậy, phân tích từng yếu tố cụ thể thì có 5 yếu tố liên quan đến bản thân HS nghiện; CBTH; Luật pháp, chính sách; Phụ huynh HS và cộng đồng đều có tác động đến hiệu quả các hoạt động CTXH trong can thiệp, trợ giúp đối với HS nghiện internet ở những khía cạnh và mức độ khác nhau. Và, kết quả theo mô hình hồi quy đa biến (Bảng 8) cho thấy sự tác động của các yếu tố nêu trên giải thích được gần 29,5% sự thay đổi của hoạt động CTXH. Trong đó, yếu tố tác động mạnh nhất và có ý nghĩa về mặt thống kê ( $p = 0,001 < 0,05$ ) là yếu tố liên quan đến bản thân HS nghiện internet; yếu tố này có hệ số tương quan tương đối cao ( $R = 0,408$ ) và giải thích được 39,9% sự thay đổi của hoạt động CTXH. Đối với yếu tố liên quan đến CBTH ( $P = 0,001 < 0,05$ ) có mối tương quan tương cũng tương đối cao ( $R = 0,309$ ), nhưng giải thích được 1,6% sự thay đổi của hoạt động CTXH (mức ảnh hưởng thấp).

### 3. Kết luận

Có thể nói với sự phát triển mạnh mẽ của mạng internet, trong những năm trở lại đây hiện tượng nghiện internet ở thanh thiếu niên và học sinh ở Việt Nam đang ngày một tăng cao, điều đó không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến bản thân các chủ thể mà có những tác động nhất định đến gia đình, nhà trường và cộng đồng xã hội. Việc triển khai các hoạt động CTXH như tham vấn, tư vấn; hỗ trợ y tế và chăm sóc sức khỏe; giáo dục truyền thông; biện hộ hay vận động, kết nối nguồn lực nhằm can thiệp/trị liệu và phòng ngừa đối với HS nghiện internet có mang lại hiệu quả như mong đợi hay không còn phụ thuộc rất nhiều yếu tố, thành phần tham gia. Tổng hợp kết quả phân tích trên cho thấy chỉ có yếu tố thuộc về bản thân HS nghiện internet và yếu tố CBTH là có ảnh hưởng đến hoạt động CTXH. Điều này đồng nghĩa với việc cần tăng cường thay đổi nhận thức, thái độ của HS nghiện internet để hoạt động can thiệp CTXH mang lại hiệu quả. Bên cạnh đó, CBTH cũng phải thay đổi về tư duy, tăng cường nâng cao chuyên môn, kỹ năng tác nghiệp, cũng như có thái độ tích cực trong quá trình can thiệp, trợ giúp HS nghiện internet. Tuy nhiên, tác giả cũng cho rằng, việc trợ giúp HS nghiện internet nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi là quá trình lâu dài về mặt thời gian, có nhiều trở ngại, do vậy rất cần sự phối hợp của nhà trường, gia đình và cộng đồng xã hội để quá trình triển khai các hoạt động được mang lại hiệu quả.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ivan Goldberg, 1996. Internet addiction disorder. *Retrieved November*. 24, tr. 2004.
- [2] Mark D Griffiths, 1996. Internet addiction: an issue for clinical psychology?. *Clinical Psychology Forum*, Nottingham Trent University, tr. 32-36.
- [3] Richard A Davis, 2001. A cognitive-behavioral model of pathological Internet use. *Computers in human behavior*. 17(2), tr. 187-195.
- [4] Kimberli S Young, 1998. Internet addiction: The emergence of a new clinical disorder", *Cyberpsychology & behavior*. 1(3), tr. 237-244.
- [5] Hồ Văn Dũng và Phùng Đình Mẫn, 2012. Phát hiện thang đo khuynh hướng nghiện internet cho thanh thiếu niên Việt Nam. *Tạp chí Tâm lý học*, số 6 (159), 6 – 2012.
- [6] Thủ tướng Chính phủ, 2010. Đề án phát triển nghề công tác xã hội giai đoạn 2010-2020 - Số: 32/2010/QĐ-TTg.
- [7] Nguyễn Thơ Sinh, 2008. *Các học thuyết tâm lý nhân cách*. Nxb Lao động, Hà Nội.
- [8] 8. Hoàng Thị Loan, 2017. *Công tác xã hội nhóm đối với học sinh nam nghiện game online tại Trường Trung học cơ sở Gia Hòa, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình*. Luận văn Thạc sĩ Công tác xã hội, Trường Đại học Lao động – Xã hội, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Thị Thu Thủy, 2015. *công tác xã hội cá nhân trong hỗ trợ sinh viên cai nghiện game online tại trường đại học Hải Dương*. Luận văn Thạc sĩ Công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
- [10] Shiyong Zheng và các cộng sự, 2015. *Social Work in Teen Addiction Correction Services Research under the New Situation*, 2015 4th National Conference on Electrical, Electronics and Computer Engineering, Atlantis Press.
- [11] Bộ LĐ-TB&XH, 2017. Quy định về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với người làm công tác xã hội được quy định tại, Số 01/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 2/2/2017.
- [12] Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ, 2015. Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập, Số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, ngày 16/9/2015.

- [13] Thông tin-Bộ Bưu chính Bộ Văn hóa, Viễn thông-Bộ Công an,, 2006. Thông tư liên tịch Của bộ văn hóa - thông tin - bộ bưu chính, viễn thông - bộ công an số 60/2006/ttlt-bvhtt-bbcvt-bca ngày 01 tháng 6 năm 2006 về quản lí trò chơi trực tuyến (online games), Số: 60/2006/TTLT-BVHTT-BBCVT-BCA.
- [14] Chính phủ, 2009. Nghị định Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lí, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet, số 28/2009/NĐ-CP, Ngày 20 tháng 3 năm 2009
- [15] Chính phủ, 2013. Nghị định quản lí, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng, Số: 72/2013/NĐ-CP, ngày 15 tháng 07 năm 2013.
- [16] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018. Thông tư Hướng dẫn Công tác xã hội trong trường học, Số: 33/2018/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 12 năm 2018.

## ABSTRACT

### **Some factors affecting social work activities for internet addictive students in Binh Dinh province**

Nguyen Van Nga

*Department of Social Sciences and Humanities, Quy Nhon University*

The paper analyzes 6 groups of factors affecting social work activities in interventions to help students who has internet addiction in the upper secondary schools in Binh Dinh province. Based on analysis of the univariate regression model, there are only 5 groups of factors related to internet addicted students themselves; School officials; Material facilities and resources; Parents and community factors, are statistically significant. Thus, they affect social work activities. In particular, the most impactful factor belongs to students themselves and staffs working at school.

**Keywords:** Internet addiction, junior high school student, community service.